

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH Địa chỉ: 72 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ông Nguyễn Phước Đức; Chức vụ: Tổng Giám đốc Điện thoại: 028 3822 1605; Fax: 028 3822 1751.</p> <p>Quản lý dự án: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH-Ban QLDA Điện lực miền Nam Địa chỉ: Lầu 3 tòa nhà EVN SPC 16 Âu Cơ, Phường Tân Sơn Nhì, TP. HCM Ông Hoàng Hữu Thời; Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 028 22200480 Fax: 028 22200493</p>
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình bao gồm:</p> <p>Gói 09-220PQ: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt vật tư thiết bị trạm và đường dây</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đền bù phục vụ biện pháp thi công. + Thi công xây lắp công trình theo tiên lượng mời thầu. + Cung cấp và lắp đặt vật tư thiết bị B cấp theo tiên lượng mời thầu. + Thí nghiệm hiệu chỉnh, bàn giao, bảo hành theo luật định. + Thực hiện công tác quản lý môi trường trong quá trình thi công. + Thực hiện mua bảo hiểm cho gói thầu theo các nội dung bảo hiểm nêu trong văn bản 11047/EVN-SPC-ĐT ngày 29/11/2024 của Tổng Công ty Điện lực miền Nam.



	Các nội dung công việc cụ thể được mô tả trong HSMT tại: Bảng chi tiết hạng mục xây lắp Mẫu 01B (Webform trên hệ thống) và Tập 2 - Yêu cầu kỹ thuật.
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại:</p> <p>+ Vị trí xây dựng trạm 220kV Phú Quốc: xã Hà Ninh, TP. Phú Quốc, tỉnh An Giang.</p> <p>+ Phần đường dây 220kV nằm phía trạm 220kV Kiên Bình: xã Kiên Bình, tỉnh An Giang.</p> <p>+ Phần đường dây 220kV tại Tp. Phú Quốc: xã Hàm Ninh, Dương Tơ, Thị trấn Thới An, tỉnh An Giang</p> <p>và được xác định trong Bản vẽ số 25-KG-018D-ĐD.MBT – Mặt bằng tuyến đường dây; 25-KG-018D-ĐT.05 – Mặt bằng bố trí thiết bị trạm 220kV Phú Quốc</p>
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 360 ngày (đã bao gồm ngày lễ và nghỉ theo qui định) kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 360 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>Quy định hoàn thành các phần công trình: thi công hoàn thành các hạng mục công trình là 330 ngày.</p>
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 1.29	<p>- Tư vấn quản lý dự án: _____ [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</p> <p>- Tư vấn giám sát là: Chủ đầu tư sẽ thông báo sau [ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</p>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: thi công hoàn thành các hạng mục công trình là 330 ngày.
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hợp đồng thi công xây dựng. Bảng giá hợp đồng.

	<ol style="list-style-type: none"> 3. Biên bản thương thảo hợp đồng. 4. Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu (HSDT) và trao hợp đồng. 5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. 6. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng. 7. Điều kiện chung của Hợp đồng, bao gồm phụ lục. 8. HSDT của Nhà thầu và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có). 9. Hồ sơ mời thầu (HSMT) và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có). 10. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một (01) bản chính và năm (05) bản sao y bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không hủy ngang (trả tiền khi có yêu cầu theo Mẫu số 16 Chương VIII). - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10

	<p>phần trăm (10%) giá hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (10 %) giá hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh tạm ứng khi Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng cho hợp đồng này sai mục đích. + Nếu Bên B là Nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp nêu trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh theo quy định tại điều 22 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho bên mời thầu trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực hoặc chậm nhất 10 ngày sau khi ký hợp đồng theo đúng thỏa thuận của các bên về giá trị, loại tiền, phương thức bảo đảm. Trường hợp Nhà thầu nộp chậm hơn thời gian nêu trên, Chủ đầu tư có quyền thông báo hủy hợp đồng và tịch thu bảo lãnh dự thầu.
--	---

	- Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do Nhà thầu vi phạm các hành vi được quy định của hợp đồng này, Chủ đầu tư sẽ tịch thu 100% bảo đảm thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định và Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm bảo hành.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 7 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà thầu tư vấn đưa ra chỉ dẫn dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng .
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về nhà thầu phụ nêu tại E-CDNT 27 Chương I của E-HSMT. <p>Trường hợp nhà thầu muốn thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng thì trong vòng 28 ngày trước ngày muốn đưa nhà thầu phụ vào làm việc, nhà thầu phải có văn bản đề nghị nêu lý do xác đáng, hợp lý kèm theo hồ sơ chứng minh năng lực của nhà thầu phụ để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.</p>

E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Chứng thư bảo hiểm gói thầu sẽ được xuất trình chậm nhất là 06 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian bảo hiểm là 36 tháng kể từ ngày khởi công và được ghi tên người thụ hưởng gồm: Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH, và nhà thầu.</p> <p>Số tiền bảo hiểm tối thiểu và tiền khấu trừ phải là:</p> <p>(a) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng Công trình, cây cối và vật liệu: 110% Giá hợp đồng.</p> <p>(b) Cho các tổn thất hoặc hư hỏng Thiết bị: Bồi thường cho Chủ đầu tư theo giá thị trường do Chủ đầu tư quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ đầu tư), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn tất việc bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. Trường hợp Nhà thầu trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp.</p> <p>(c) cho các tổn thất hoặc hư hỏng tài sản (ngoài trừ công trình, cây cối, vật liệu và thiết bị) có liên hệ đến Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - số tiền bảo hiểm tối thiểu: 50% Giá hợp đồng. - mức phí khấu trừ tối đa: 30.000.000 đồng. - Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng. <p>(d) đối với tổn hại cá nhân hoặc chết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên của Nhà thầu: <i>tối thiểu 100.000.000 đồng / người.</i> - Của người khác: tối thiểu 100.000.000 đồng / người. - Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian xây dựng. <p>(e) Thời hạn bảo hiểm tính từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường đến hết thời gian bảo hành công trình.</p>
E-ĐKC 20.1(a)	<p>Thời gian bảo hành công trình: 24 tháng.</p> <p>Thời gian bảo hành VTTB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành cấp ngầm là 5 năm kể từ ngày được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Đối với hệ thống camera giám sát: thời gian bảo hành là 24 tháng kể ngày đóng điện đưa vào vận hành theo quy định của Tổng công ty Điện lực miền Nam tại văn bản số 1480/EVNSPC-ĐT ngày 08/03/2023.
- Các thiết bị còn lại: Thời gian bảo hành là 18 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 24 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.
- Nhà thầu phải nộp bảo lãnh bảo hành trong vòng 21 ngày trước ngày nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.
- Trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Bên A. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không thực hiện sửa chữa thì Bên A có quyền thuê một nhà thầu khác (bên thứ ba), toàn bộ chi phí sửa chữa chi trả cho bên thứ ba sẽ được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu.
- Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. - Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. - Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Tham chiếu Chương V – Phần 2 E HSMT
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: theo thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: tối đa là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản khiếu nại của nhà thầu hoặc chủ đầu tư.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu qua thương lượng, hai bên không giải quyết được thì thống nhất đưa lên Tòa án (Nhân dân Khu vực 9, TP. Hồ Chí Minh) để giải quyết. Quyết định của Tòa án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên.</p>
B. Quản lý thời gian	

E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công.</p> <p>Ban Quản lý dự án Điện lực miền Nam chỉ thực hiện khởi công gói thầu xây dựng khi địa phương đã phê duyệt phương án bồi thường và/hoặc vận động bàn giao mặt bằng được tối thiểu 50% mặt bằng đối với công trình đường dây và 100% mặt bằng đối với công trình trạm biến áp, đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện khởi công theo quy định tại Khoản 39, Điều 1, Luật Xây dựng sửa đổi số 62/2020/QH14.</p> <p>Ngày hoàn thành dự kiến: 330 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình. Trường hợp do yêu cầu cấp bách, Giám đốc Ban QLDA sẽ có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình sớm hơn dự kiến, với điều kiện chấp thuận của nhà thầu về ngày hoàn thành dự kiến mới.</p>
E-ĐKC 29.1	<p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.</p> <p>Bên B lập tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục công trình gửi cho Bên A xem xét, đồng thời thiết lập biện pháp thi công, biểu đồ nhân lực và biện pháp an toàn phù hợp. Bên B lập bảng tiến độ thi công, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảng tiến độ tổng thể bằng phần mềm Microsof Project. + Bảng tiến độ thi công chi tiết nêu rõ thời gian thi công từng hạng mục và từng vị trí trụ của toàn công trình (cấp 2). <p>Ngoài ra định kỳ hàng tuần Bên B phải có báo cáo tiến độ thi công và lập tiến độ thi công chi tiết cho tuần kế tiếp gửi cho Bên A (cấp 3).</p>
E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 15 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 5% giá trị của đợt thanh toán kế tiếp.</p>
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác: Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp, hoặc trở ngại khác thì <i>Ban Quản lý dự án điện lực miền Nam</i> và nhà thầu có văn bản thỏa thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.</p>

C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định Phần chi phí dự phòng nêu trên do chủ đầu tư quản lý và chỉ được sử dụng để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng khi có phát sinh.
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: Bên A tạm ứng 30% giá trị hợp đồng (trước thuế GTGT và không bao gồm dự phòng)</p> <p>- Thời gian tạm ứng: trong vòng 15 ngày sau khi công trình được phát lệnh khởi công, để nhận được tạm ứng bên B phải xuất trình đầy đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Văn bản yêu cầu tạm ứng; (ii) Bảo đảm thực hiện hợp đồng. (iii) Hợp đồng bảo hiểm, chứng thư bảo hiểm, và chứng từ thanh toán hợp đồng bảo hiểm. (iv) Bảo đảm tiền tạm ứng của ngân hàng theo mẫu trong hồ sơ mời thầu. (v) Lệnh khởi công công trình. (vi) Kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng. <p>Quy định bảo lãnh tạm ứng: Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu</p>

	<p>lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng.</p> <p>Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định như sau:</p> $\text{Tỷ lệ giảm trừ từng đợt (\%)} = \frac{\% \text{ giá trị khối lượng thanh toán đợt so với giá trị HĐ}}{80\%} \times 100$
E-ĐKC 44.1	<ol style="list-style-type: none"> Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản. Thời hạn thanh toán: trong vòng 15 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu. Phương thức thanh toán:

Nguyên tắc thanh toán:

3.1 Đối với xây lắp:

Số lần thanh toán sẽ được tiến hành **06 đợt** (không kể các đợt thanh toán tạm ứng).

- + Các đợt: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng. Tổng giá trị thanh toán các đợt không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 90% giá trị hợp đồng.
- + Đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp dư, hoàn trả VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công, vận hành thành công 72 giờ...) và thoả thuận theo hợp đồng và Bên A nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành.
 - **Hồ sơ thanh toán các đợt:**
 - + Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát; trong đó có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Bên A hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên B.
 - + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (Bảng thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành) được tính trên cơ sở: khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có), giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán.
 - + Văn bản yêu cầu thanh toán.
 - + Hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính
 - + Các hồ sơ chất lượng kèm theo.

3.2 Đối với mua sắm hàng hóa (P):

(a) Thanh toán khi giao hàng: 60% của trị giá hàng hóa nhận được và 100% thuế GTGT của hàng hóa theo hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được các tài liệu sau:

- (i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;
- (ii) Hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính do Bên B lập khi giao hàng;
- (iii) Chứng thư bảo lãnh hoàn trả tiền thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem trước do một ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng với giá trị thanh toán. Thời hiệu của chứng thư có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được xác nhận thi công lắp đặt hoàn thành;
- (iv) Bảng kê đóng gói;
- (v) Chứng nhận bảo hiểm;
- (vi) Bản chính hoặc Bản sao y công chứng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng Thương Mại nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất, số serial;
- (vii) Bản chính hoặc Bản sao y công chứng Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa và số serial của thiết bị với những hàng hóa được nêu trong bảng giá của hợp đồng.
- (viii) Bản chính hoặc Bản sao y công chứng Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất;
- (ix) Bản chính hoặc Bản sao y công chứng Kết quả kiểm tra chất lượng do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật (nếu có) cho lô hàng/mẫu thử.
- (x) Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của hàng hóa giữa Bên A và Bên B tại địa điểm giao hàng;

(xi) Chứng nhận phê duyệt mẫu cho các thiết bị đo đếm được thực hiện bởi cơ quan quản lý nhà nước về đo lường theo quy định. (Giấy chứng nhận phê duyệt mẫu (hoặc Quyết định phê duyệt mẫu) ghi rõ số sản xuất (số serial) từng thiết bị trong toàn bộ hàng hóa cung cấp cho Bên mời thầu (hoặc Chủ đầu tư) và Giấy chứng nhận kiểm định kèm theo trước khi giao hàng hóa)- bản sao y (nếu có) (áp dụng cho hạng mục biến dòng điện 1 pha $\geq 123\text{kV}$ và biến điện áp 1 pha $\geq 123\text{kV}$).

Riêng đối với Máy biến áp: cần phải bổ sung thêm các hồ sơ sau:

- Bản chính hoặc Bản sao y công chứng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng Thương Mại/Công nghiệp nước sản xuất ban hành, trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất, số serial number đối với hàng ngoại nhập (OLTC, chống sét van);
- Kết quả kiểm tra chất lượng vật tư (thép từ, dây đồng, vật liệu cách điện) do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật (nếu có) cho lô hàng/mẫu thử.
- Biên bản nghiệm thu về số lượng, chất lượng của hàng giữa Bên A và bên B tại bộ máy công trường

(b) 10% của trị giá hàng hóa còn lại (không có thuế GTGT) sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được chứng từ sau:

(i) Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B;

(ii) Văn bản chấp nhận do Chủ dự án phát hành;

Văn bản chấp nhận nói trên được phát hành trong vòng 15 ngày với điều kiện Bên B đã hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng kể cả việc nộp phạt giao hàng trễ.

- Bản gốc Bảo lãnh bảo hành bằng 5% trị giá hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành.
- Chứng nhận vận hành thành công 72 giờ;

Sau 90 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao tất cả hàng hóa giao theo hợp đồng, nếu việc vận hành thành công 72 giờ chưa được

	<p>thực hiện vì những lý do không thuộc nghĩa vụ của Bên B, hai bên sẽ họp lại để giải quyết vấn đề thanh toán. Nếu cuộc họp kết luận rằng Bên B đã hoàn tất nghĩa vụ giao hàng bao gồm phạt giao hàng trễ theo hợp đồng (nếu có), Văn bản chấp nhận sẽ được Bên A phát hành trong vòng 15 ngày kể từ ngày họp.</p> <p>Ghi chú: Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản chính.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép, trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán, nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% giá trị thanh toán đợt.</p>
E-ĐKC 47.1(d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: đối với các phần phát sinh khối lượng trong hoặc ngoài hợp đồng thì thực hiện điều chỉnh hợp đồng theo hướng dẫn tại các văn bản số 3985/EVNSPC-ĐT ngày 30/04/2025 và 2535/EVNSPC-ĐT ngày 07/04/2023.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Phạt hợp đồng</p> <p>a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. + Chậm mỗi 10 ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. <p>b) Nếu Nhà thầu vi phạm chất lượng theo quy định tại hợp đồng này cũng như theo các quy định hiện hành thì nhà thầu phải phá đi làm lại, chi phí cho việc phá đi làm lại và thiệt hại khác do nhà thầu chịu. Ngoài ra nếu chậm hoàn thành công trình, Nhà thầu còn chịu phạt vi phạm thời gian hợp đồng nêu trên.</p> <p>c) Mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp</p>

	đồng bị vi phạm.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. 1. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; 2. Ngoài mức phạt do vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 49.1, Nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng được quy định cụ thể tại Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: trong vòng 07 ngày kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: trong vòng 30 ngày kể từ khi công trình hoàn thành.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: đồng [Tổng số tiền giữ lại vì không nộp bản vẽ hoàn công vào ngày yêu cầu được tính bằng 0,1% (không phải một phần trăm) giá trị Hợp đồng cuối cùng cho mỗi ngày].
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 14 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.